

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2020
Về việc: “Ly hôn, giải quyết
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Bà Phạm Thị Kiểm

*Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án huyện Phú
Quốc.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông Hoàng Văn Thái
– Kiểm sát viên.*

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 353/2019/TLST- HNGĐ, ngày 14/10/2019, về: “Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ch, sinh năm 1989
HKTT: tổ 7, ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn, huyện Phú quốc, tỉnh Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn A, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Anh Cao Duy T, sinh năm 1988
HKTT: Xã Thượng Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn A, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
3. Con chung: Cháu Cao Tuệ A, sinh năm 2018 (cùng địa chỉ với cha mẹ).
(chị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T và con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ch trình bày: Chị Lê Thị Ch và anh Cao Duy T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, số giấy kết hôn 99/2017 ngày 21/9/2017. Vợ chồng có với nhau một người con chung tên Cao Tuệ A.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. anh T thường xuyên có mối quan hệ tình cảm ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị đã bắt gặp nhiều lần và cho anh T nhiều cơ hội để sửa sai nhưng anh T vẫn tiếp tục ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng gia đình thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên giữ nguyên ý kiến về việc xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung tên Cao Tuệ A. Khi ly hôn chị Ch yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Công nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Cao Duy T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng có ý kiến trong biên bản lấy lời khai: Về quan hệ hôn nhân, tài sản, công nợ chung và con chung, vợ Lê Thị Ch trình bày là đúng.

Chị Ch xin ly hôn anh T không đồng ý. Tuy nhiên trong trường hợp chị Ch cương quyết xin ly hôn thì anh T không đồng ý nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung anh T yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung và công nợ chung anh T không có ý kiến và không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ch thấy có cơ sở chấp nhận, vì hôn nhân giữa chị Ch và anh T đến với nhau trên cơ tự nguyện có đăng ký kết hôn,

quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hành gấn. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ch.

Về con chung: Chị Ch có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung dưới 36 tháng tuổi nhưng anh T không đồng ý. Tuy nhiên, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao người con chung Cao Tuệ A cho chị Lê Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ch do chị Ch không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ch và anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị Ch.

Anh Cao Duy T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ch và anh Cao Duy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, số giấy kết hôn 99/2017 ngày 21/9/2017 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ch xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ch giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận cuộc sống vợ chồng thật sự không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch.

[3] Về con chung: Cháu Cao Tuệ A dưới 36 tháng tuổi, chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành nhưng anh T không đồng ý, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp

người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung Cao Tuệ A cho chị Lê Thị Ch tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ch và anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ch được ly hôn anh Cao Duy T.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Cao Tuệ A cho chị Lê Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Anh Cao Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lê Thị Ch.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ch và anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0006726 ngày 20/9/2019, chị Ch không phải nộp thêm.

Anh Cao Duy T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND xã Phương Trung,
huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Triệu